

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 22/2004/PL-
UBTVQH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2004

PHÁP LỆNH

Về chống trợ cấp hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26 tháng 12 năm 1991 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;

Pháp lệnh này quy định về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về các biện pháp chống trợ cấp; thủ tục, nội dung điều tra để áp dụng và việc áp dụng các biện pháp đó đối với hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trợ cấp là sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ dành cho tổ chức, cá nhân khi sản xuất, xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam và đem lại lợi ích cho tổ chức, cá nhân đó.

2. Ngành sản xuất trong nước là tập hợp các nhà sản xuất trong nước hoặc đại diện của họ có khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa sản xuất chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hoá tương tự được sản xuất ở trong nước với điều kiện các nhà sản xuất này không nhập khẩu và không có mối quan hệ liên kết trực tiếp với tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

3. Thuế chống trợ cấp là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

4. Thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước là tình trạng suy giảm đáng kể hoặc kìm hãm tăng trưởng về sản lượng, mức giá, mức tiêu thụ hàng hóa, lợi nhuận, tốc độ phát triển sản xuất, việc làm của người lao động, đầu tư và các chỉ tiêu khác của ngành sản xuất trong nước hoặc là tình trạng dẫn đến khó khăn cho việc hình thành một ngành sản xuất trong nước.

5. Đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước là khả năng trước mắt, rõ ràng và chứng minh được sẽ gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

6. Hàng hoá tương tự là hàng hoá có tất cả các đặc tính giống với hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc trong trường hợp không có hàng hóa nào như vậy thì là hàng hóa có nhiều đặc tính cơ bản giống với hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

7. Mức trợ cấp không đáng kể là mức trợ cấp thấp hơn 1% trị giá sản phẩm.

8. Trợ cấp có tính riêng biệt là trợ cấp chỉ áp dụng riêng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất nhất định hoặc trợ cấp chỉ áp dụng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất trong khu vực địa lý nhất định của nước hoặc vùng lãnh thổ bị điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Điều 3. Các hình thức trợ cấp

1. Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ chuyển vốn cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức cấp vốn, chuyển giao cổ phần, cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc bảo lãnh

để được vay với lãi suất thấp hơn khi không có bảo lãnh này.

2. Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ bỏ qua hoặc không thu những khoản thu mà tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải nộp.

3. Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ cung cấp hàng hoá, dịch vụ không phải là cơ sở hạ tầng chung hoặc mua hàng hóa, dịch vụ vào với giá cao và bán ra cho tổ chức, cá nhân với giá thấp hơn giá thị trường.

4. Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ đóng góp tiền vào một cơ chế tài trợ, giao hoặc lệnh cho một tổ chức tư nhân thực thi một hay nhiều hình thức quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Các khoản trợ cấp khác không thuộc các hình thức trợ cấp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được xác định một cách công bằng, hợp lý và không trái với thông lệ quốc tế.

Điều 4. Các biện pháp chống trợ cấp

1. Áp dụng thuế chống trợ cấp.

2. Chấp nhận cam kết của tổ chức, cá nhân hoặc của Chính phủ nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về việc tự nguyện chấm dứt trợ cấp, giảm mức trợ cấp, cam kết điều chỉnh giá xuất khẩu hoặc áp dụng các biện pháp thích hợp khác.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng biện pháp chống trợ cấp

1. Biện pháp chống trợ cấp chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

2. Việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp chỉ được thực hiện khi đã tiến hành điều tra và phải dựa trên kết luận điều tra quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Pháp lệnh này.

3. Biện pháp chống trợ cấp chỉ được áp dụng trực tiếp đối với hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh này.

4. Việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp không được gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế - xã hội trong nước.

Điều 6. Điều kiện áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Biện pháp chống trợ cấp chỉ được áp dụng đối với hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hàng hóa nhập khẩu được xác định có trợ cấp theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này;
2. Hàng hoá nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chống trợ cấp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.
2. Chính phủ thành lập và quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của cơ quan chống trợ cấp thuộc Bộ Thương mại gồm:
 - a) Cơ quan điều tra chống trợ cấp (sau đây gọi là cơ quan điều tra) để tiến hành điều tra, rà soát vụ việc chống trợ cấp và trong trường hợp cần thiết kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời;
 - b) Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp gồm một số thành viên thường trực và một số thành viên khác làm việc theo từng vụ việc để xem xét các kết luận của cơ quan điều tra; thảo luận và quyết định theo đa số về việc không có hoặc có trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng biện pháp chống trợ cấp.
3. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về chống trợ cấp, quyết định việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp và chịu trách nhiệm về quyết định này.
4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thương mại trong việc thực hiện quản lý nhà nước về chống trợ cấp và áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA ĐỂ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 8. Căn cứ tiến hành điều tra

1. Việc điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp được thực hiện khi có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp của tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước.

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp được coi là đại diện cho ngành sản xuất trong nước khi có hai điều kiện sau đây:

a) Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa do họ sản xuất hoặc đại diện chiếm ít nhất 25% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước;

b) Khối lượng, số lượng hoặc trị giá của hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và của các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp phải lớn hơn khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự của các nhà sản xuất trong nước phản đối yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

2. Bộ trưởng Bộ Thương mại có thể ra quyết định điều tra khi có bằng chứng rõ ràng về việc hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Điều 9. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp được gửi đến cơ quan điều tra, bao gồm:

1. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tổ chức, cá nhân có yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trong đó có tên gọi của hàng hóa, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu;

c) Mô tả khối lượng, số lượng, đơn giá và trị giá của hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm b khoản này trong thời hạn mười hai tháng trước khi nộp hồ sơ yêu cầu áp